

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 15/2017/HNGĐ - ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2017
“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và bà Ngô Thị Kim Thêu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Đức là Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn với nhau vào ngày 08 tháng 11 năm 2007, tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn, cả chị và anh L đều được tự do tìm hiểu nhau và chưa ai kết hôn lần nào. Sau ngày cưới, chị về làm dâu gia đình anh L ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do, trong cuộc sống giữa chị và anh L không hiểu nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm và sống thiếu sự chia sẻ lẫn nhau.

Ngoài ra, anh L còn chơi bời không quan tâm gì đến vợ con, nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh L không chịu sửa chữa, thay đổi. Do không chịu được nên chị đã bỏ ra ngoài thuê nhà sống riêng và vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L.

Về con chung: Chị H xác định, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Lâm V, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2008. Tại phiên tòa, chị H xác định, hiện nay cháu V đang ở với chị. Ly hôn chị xin được nuôi con và chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng. Kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu V thành niên.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H xác định vợ chồng không có gì nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2017, anh L trình bày:

Anh xác định thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và con chung như lời trình bày trên của chị H là đúng. Tuy nhiên, theo anh L thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc chị H tự bỏ nhà ra ngoài thuê trọ sống là do, trong cuộc sống giữa anh và chị H không hiểu nhau thường xuyên bất đồng quan điểm và sống thiếu sự chia sẻ lẫn nhau. Cuối năm 2016 vợ chồng sống ly thân, tháng 5 năm 2017 chị H tự bỏ ra ngoài sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị H nhất quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh L xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lâm V, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2008, hiện nay cháu V đang ở với chị H. Ly hôn, anh cũng xin được nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nhưng nếu chị H muốn nuôi con thì anh tự nguyện giao cho chị H được tiếp tục nuôi con và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H 1.000.000 đồng /tháng (Một triệu đồng). Kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu V thành niên.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh L xác định vợ chồng không có gì nên ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Thẩm phán và Thư ký Tòa án làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội

đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng làm đầy đủ và đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H và cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L. Giao cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lâm V, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2008. Anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mức 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu V thành niên. Không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh L.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Ngọc L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H và anh L đều thừa nhận, anh chị kết hôn với nhau vào ngày 08 tháng 11 năm 2007, tại Ủy ban nhân dân xã T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Ngọc L là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng do bận công việc nên anh L không tham gia xét xử, đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Ngọc L.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị H xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Căn cứ vào lời trình bày của chị H và anh L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn với nhau trên cơ

sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn, chị H và anh L đều chưa ai kết hôn lần nào. Vì vậy, xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị H và anh L đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do, trong cuộc sống giữa chị H và anh L không hiểu nhau dẫn đến bất đồng quan điểm và thiếu sự chia sẻ lẫn nhau. Cuối năm 2016, chị H và anh L đã sống ly thân nhau, đến tháng 5 năm 2017, chị H đã tự ý bỏ ra ngoài thuê trọ sống. Trong thời gian sống ly thân, cả chị H và anh L không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng khi vợ chồng sống ly thân, anh L không tìm biện pháp để gắn kết tình cảm vợ chồng lại với nhau mà nếu chị H nhất quyết xin ly hôn thì anh đồng ý. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh L đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L.

Về con chung: Chị H và anh L đều thừa nhận, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Lâm V, sinh ngày 27/5/2008. Tại phiên tòa, chị H xác định hiện nay cháu V đang ở với chị H. Ly hôn chị xin được nuôi con và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị 1.000.000 đồng /tháng (Một triệu đồng), kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu V thành niên. Anh L cũng xin được nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu chị H muốn nuôi con thì anh tự nguyện giao cho chị H được tiếp tục nuôi con và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H mức tiền là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng), kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu V thành niên. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng. Việc nuôi dạy con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Xét thấy, yêu cầu xin nuôi con của chị H và việc tự nguyện giao con cho chị H đồng thời tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh L là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng), kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu V thành niên; không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh L.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác công nợ và công sức: Chị H và anh L đều xác định vợ chồng không có gì, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Ngọc L phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 của Bộ Luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc L.

2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Lâm V, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Ngọc L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu V thành niên; không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh L.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001714 ngày 26 tháng 4 năm /2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, chị H đã nộp đủ. Anh Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA.DS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Bích Hạnh

